|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 10/QTDA**  *(kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC  ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ**  \_\_\_\_\_\_  Số:........./QĐ-.... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
|  | *..., ngày ... tháng ... năm ...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu  
 dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**THẨM QUYỀN BAN HÀNH**

*Căn cứ: ...*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành**

- Tên dự án: ...

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành (nếu có): ...

- Chủ đầu tư: ...

- Địa điểm xây dựng: ...

- Thời gian (ngày, tháng, năm) khởi công, hoàn thành (thực tế): ... - ...

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

1. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) hoặc chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối** | **Giá trị quyết toán được phê duyệt** |
|  | **Tổng số** |  |  |
| 1 | Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |  |  |
| 2 | Xây dựng |  |  |
| 3 | Thiết bị |  |  |
| 4 | Quản lý dự án |  |  |
| 5 | Tư vấn |  |  |
| 6 | Chi phí khác |  |  |
| 7 | Dự phòng |  |  |

2. Vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối** | **Giá trị quyết toán được phê duyệt** |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
|  | **Tổng số** |  |  |
| **1** | **Vốn đầu tư công** |  |  |
| ***1.1*** | ***Vốn Ngân sách nhà nước*** |  |  |
|  | - Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn)  *+ Vốn ...*  *+ Vốn ...*  - Vốn ngân sách địa phương |  |  |
| ***1.2*** | ***Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác*** |  |  |
| **2** | **Vốn khác (nếu có)** |  |  |
| ***2.1*** | ***Vốn...*** |  |  |
| ***2.2*** | ***Vốn...*** |  |  |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:........đồng;trong đó:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: ........đồng.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: ........đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án: .........đồng.

4.1. Giá trị thực tế: ........đồng.

4.2. Giá trị quy đổi (nếu có): : ........đồng.

5. Giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng (nếu có): ........đồng.

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

1.Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Số tiền** | **Ghi chú** |
|  | **Tổng số** |  |  |
| **1** | **Vốn đầu tư công** |  |  |
| ***1.1*** | ***Vốn Ngân sách nhà nước*** |  |  |
|  | - Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn)  *+ Vốn ...*  *+ Vốn ...*  - Vốn ngân sách địa phương |  |  |
| ***1.2*** | ***Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác*** |  |  |
| **2** | **Vốn khác (nếu có)** |  |  |
| ***2.1*** | ***Vốn ...*** |  |  |
| ***2.2*** | ***Vốn ...*** |  |  |

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày ... tháng ... năm ...:

- Tổng nợ phải thu: ... đồng.

- Tổng nợ phải trả: ... đồng.

Các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân được chi tiết tại phụ lục số ... kèm theo (nếu có).

2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan (nếu có)

3. Các nghiệp vụ khác (nếu có).

**Điều 4: Trách nhiệm thi hành**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *(Ghi theo quy định tại Khoản 3 Điều 44 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ)* | **NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**  *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |